TOÀ ÁN NHÂN DÂN **TỈNH THÁI BÌNH** Bản án số: 42/2024/DS-PT Ngày: 23/8/2024 V/v *Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Tuấn Vương

Các Thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Thúy Hoàn và ông Ngô Thế Tương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình.

*- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình** tham gia phiên tòa:* Bà Vũ Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 8 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thái Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2024/TLPT-DS ngày 24 tháng 6 năm 2024 về "*Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ do người chết để lại*" do có kháng cáo đối với bản án số 03/2024/DSST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2024/QĐ-PT ngày 07 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

*1. **Nguyên đơn**:* Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1977 (Có mặt);

Nơi cư trú: Thôn Phương Trạch Tây, xã Phương Công, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình

2. Bị đơn: Ông Phạm Quang H1, sinh năm 1954 (Có mặt);

Nơi cư trú: Thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Phạm Duy Đ, sinh năm 1985 (Vắng mặt);

Nơi cư trú: T5 thành phố Hồ Chí Minh, phường A, quận D, thành phố Hồ Chí Minh.

3.2. Anh Phạm Đức P, sinh năm 1989 (Có mặt);

Nơi cư trú: CT1B, khu Đ, phường C, quận B, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Đ, anh P: ông Phạm Quang H1 (bố đẻ);

3.3. Cụ Vũ Thị X, chết ngày 11/12/2023 (mẹ đẻ bà T)

Người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Vũ Thị X:

- Ông Đặng Văn T1 – con cụ Vũ Thị X (Vắng mặt);
- Ông Đặng Văn V – con cụ Vũ Thị X (Vắng mặt);
- Bà Đặng Thị T2 – con cụ Vũ Thị X (Vắng mặt);
- Bà Đặng Thị V1 – con cụ Vũ Thị X (Vắng mặt);

Đều có nơi cư trú: Xã Đ, huyện T, tỉnh Thái Bình.

Do có quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS ngày 19/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

*** Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:**

Do là chỗ quen biết hàng xóm với nhau nên ngày 22/9/2021 dương lịch (tức ngày 16/8/2021 âm lịch) bà có cho bà Đặng Thị T3, sinh năm 1961, địa chỉ: thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình vay số tiền 200.000.000 đồng. Khi bà T3 ốm nặng thì bà có đến nhà nói chuyện với chồng con bà T3 (ông Phạm Quang H1, anh Phạm Duy Đ, anh Phạm Đức P) về số nợ trên thì chồng con bà T3 nói để chữa bệnh cho bà T3 đã, nếu bà T3 có không qua khỏi thì họ vẫn có trách nhiệm trả nợ bà. Tuy nhiên, khi bà T3 chết ngày 28/12/2021 thì các con bà T3 có sang nhà bà nói bà T3 chết không để lại gì có 20.000.000 đồng gửi bà nhưng bà không nhận vì số nợ của bà là 200 triệu đồng. Nay bà khởi kiện yêu cầu ông Phạm Quang H1, anh Phạm Duy Đ, anh Phạm Đức P phải có nghĩa vụ trả cho bà số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng cùng toàn bộ lãi phát sinh theo quy định của pháp luật, theo bà hiểu biết thì thời điểm tính lãi từ ngày 01/01/2022 cho đến thời điểm xét xử sơ thẩm cũng như cho đến khi trả nợ xong. Bà biết được bà T3 có để lại tài sản là thửa đất số 1534 diện tích 367m^2, loại đất ao và thửa đất số 1538 diện tích 470m^2, loại đất ở, vườn tạp đều tờ bản đồ số 02, địa chỉ: thôn P, xã P, huyện T, tỉnh Thái Bình đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên Phạm Quang H1, Đặng Thị T3 cùng các tài sản trên đất. Nếu ông H1, anh Đ, anh P không trả cho bà số nợ trên thì bà đề nghị chia tài sản chung của ông H1, bà T3 để thanh toán số nợ cho bà. Tuy nhiên, sau đó bà thay đổi không yêu cầu về chia tài sản chung của ông H1, bà T3.

*** Bị đơn trình bày:**

Ông là chồng của bà Đặng Thị T3, giữa ông và bà Đặng Thị T3 có 02 con chung là Phạm Duy Đ, Phạm Đức P ngoài ra ông bà không có con nuôi, con riêng nào khác. Bố mẹ đẻ của bà Đặng Thị T3 là cụ Đặng Văn T4 đã chết năm 2007, cụ Vũ Thị X đã chết ngày 11/12/2023. Các cụ Đặng Văn T4, Vũ Thị X có các con là vợ ông (bà Đặng Thị T3, chết năm 2021), ông Đặng Văn T1, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Văn V và bà Đặng Thị T2. Ông không biết việc bà T3 đi vay nợ bà H cho đến khi bà T3 hấp hối, bà H đến đòi nợ ông mới biết. Ông cũng không biết bà T3 dùng số tiền này vào việc gì. Nay bà H khởi kiện buộc ông và các con phải trả cho bà khoản nợ này cùng lãi suất, quan điểm của ông là đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan anh Phạm Duy Đ, anh Phạm Đức P trình bày:**

Về mẹ và ông bà ngoại các anh cùng thời điểm chết của họ cũng như chị em của mẹ các anh như trình bày của ông Phạm Quang H1. Đối với số nợ của bà T3 với bà H các anh không biết gì cho đến khi mẹ các anh hấp hối mới biết, các anh cũng không biết mẹ các anh dùng khoản tiền này vào việc gì. Nay bà H khởi kiện buộc các anh và ông H1 phải trả cho bà H số tiền này cùng lãi suất theo quy định của pháp luật thì quan điểm của các anh đề nghị Toà án giải quyết theo pháp luật.

*** Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của cụ Vũ Thị X là ông Đặng Văn T1, bà Đặng Thị V1, ông Đặng Văn V, bà Đặng Thị T2 trình bày**:

Họ là con của cụ Đặng Văn T4, cụ Vũ Thị X và em của bà Đặng Thị T3. Đối với khoản nợ của bà T3 với bà H thì trách nhiệm trả nợ là của ông Phạm Quang H1, anh Phạm Duy Đ, anh Phạm Đức P. Các ông bà không biết và không liên quan về khoản nợ này. Đối với tài sản thừa kế của bà Đặng Thị T3 để lại các ông, bà không có ý kiến gì và đề nghị Toà án giải quyết vụ việc theo quy định của pháp luật.

Bản án số 03/2024/DS-ST ngày 20/3/2024 của Tòa án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình đã quyết định:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Điều 614, Điều 615, khoản 2 Điều 623, Điều 658 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/ 2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Phạm Quang H1, anh Phạm Duy Đ, anh Phạm Đức P trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 239.397.000 (hai trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi bẩy nghìn) đồng, gồm (dư nợ gốc 200.000.000đ + lãi suất 39.397.000đ) trong phạm vi di sản thừa kế bà Đặng Thị T3 để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Quang H1, anh Phạm Duy Đ, anh Phạm Đức P còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số dư nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thực tế thanh toán xong khoản nợ trong phạm vi di sản thừa kế bà Đặng Thị T3 để lại.

2. Về án phí: Ông Phạm Quang H1, anh Phạm Duy Đ, anh Phạm Đức P phải chịu 11.969.800 (mười một triệu chín trăm sáu mươi chín nghìn tám trăm) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngoài ra bản án còn tuyên về quyền kháng cáo cho các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 19/4/2024, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình quyết định kháng nghị phúc thẩm số 04/QĐKNPT-VKS-DS kháng nghị đối với bản án số 03/2024/DS-ST ngày 20/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Tiền Hải do có vi phạm khi tuyên nghĩa vụ thực hiện trả nợ và vi phạm khi tuyên nghĩa vụ chịu án phí, đề nghị Toà án nhân dân tỉnh Thái Bình sửa bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Quang H1 và bà Đặng Thị T3 để thanh toán tiền bà T3 nợ bà và bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá thiếu tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà T3 dẫn đến việc ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của bà.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý và giải quyết vụ án ở cấp phúc thẩm, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc ông Phạm Quang H1 trả cho bà Nguyễn Thị H tổng số tiền 132.944.000 đồng trong phạm vi di sản thừa kế của bà Đặng Thị T3 để lại. Ông Phạm Quang H1 phải chịu 6.647.200 đồng tiền án phí trong phạm vi di sản thừa kế của bà Đặng Thị T3 để lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu đã thu thập có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Quyết định kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình gửi trong thời hạn kháng nghị luật định quy định tại khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được đưa ra xem xét tại phiên tòa phúc thẩm.

Tại phiên tòa vắng mặt người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Phạm Duy Đ nhưng có mặt người đại diện theo ủy quyền của anh Đ là ông Phạm Quang H1; vắng mặt những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của cụ Vũ Thị X là ông Đặng Văn T1, ông Đặng Văn V bà Đặng Thị T2, bà Đặng Thị V1 nhưng không liên quan đến nội dung xét xử phúc thẩm nên Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung:

Quá trình chung sống, vợ chồng ông Phạm Quang H1 và chị Đặng Thị T3 có tài sản chung là thửa đất số 1538, diện tích 414,8 m^2 (trong đó có 400 m^2 đất ở và 14,8 m^2 đất vườn tạp); thửa đất số 1532, diện tích 340 m^2, loại đất ao và toàn bộ cây cối, công trình trên đất, tổng giá trị là 265.888.000 đồng. Giá trị di sản do bà T3 để lại là ½ khối tài sản chung của vợ chồng tương đương 132.944.000 đồng. Căn cứ khoản 1 Điều 615 Bộ luật dân sự quy định: "*Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản* ***trong phạm vi di sản do người chết để lại****, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*." Theo đó, nghĩa vụ tài sản của bà T3 để lại chỉ thực hiện trong phạm vi di sản là 132.944.000 đồng. Trường hợp bà T3 còn để lại di sản khác (phát sinh tình tiết mới) thì người thừa kế tiếp tục thực hiện nghĩa vụ tài sản thay bà T3 cho bà H. Bản án sơ thẩm đã buộc người thừa kế của bà T3 trả cho bà H tổng số tiền 239.397.000 đồng là vượt quá phạm vi di sản cho bà T3 để lại. Do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần phải sửa bản án sơ thẩm, buộc người thừa kế của bà T3 có trách nhiệm trả nợ cho bà H số tiền trong phạm vi giá trị di sản bà T3 để lại là 132.944.000 đồng.

[3] Xét kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình:

[3.1] Đối với người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết để lại trong trường hợp di sản thừa kế chưa được phân chia:

Bà T3 chết không để lại di chúc và di sản của bà T3 hiện chưa được phân chia theo quy định của pháp luật. Ông H1 hiện nay đang là người quản lý, sử dụng toàn bộ phần di sản trên. Như vậy, ông H1 phải là người thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho bà H trong phạm vi di sản của bà T3 để lại theo quy định tại khoản 2 Điều 615 Bộ luật Dân sự: "*Trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được* ***người quản lý di sản thực hiện*** *theo thỏa thuận của những người*

thừa kế trong phạm vi di sản do người chết để lại". Bản án sơ thẩm mặc dù đã nhận định về nghĩa vụ trả nợ của những người được hưởng thừa kế là ông H1, anh Đ, anh P, xác định ông H1 là người đang quản lý, sử dụng di sản của bà T3 nhưng không nhận định về người có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết để lại trong trường hợp di sản thừa kế chưa được phân chia là còn thiếu sót, dẫn đến việc quyết định buộc ông H1, anh Đ, anh P trả cho bà H tổng số tiền 239.397.000 đồng (dư nợ gốc 200.000.000 đồng, lãi suất 39.397.000 đồng) là không đúng quy định của pháp luật. Mặt khác, cách tuyên như bản án sơ thẩm cũng gây khó khăn trong việc thi hành án, vì bà H không thể yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của người chết để lại khi ông H1, anh Đ, anh P không thực hiện việc phân chia di sản thừa kế của bà T3 để lại theo quy định. Do đó, cần tuyên ông H1 là người quản lý di sản có nghĩa vụ trả nợ cho bà H trong phạm vi di sản bà T3 để lại.

[3.2] Đối với nghĩa vụ chịu án phí:

Nghĩa vụ chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án này được xác định là nghĩa vụ tài sản của bà T3 để lại theo quy định tại khoản 7 Điều 658 Bộ luật Dân sự nên ông H1 là người thừa kế đang quản lý di sản phải có nghĩa vụ chịu án phí thay cho bà T3 trong phạm vi di sản bà T3 để lại. Bản án sơ thẩm tuyên ông H1, anh Đ, anh P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 11.969.800 là không đúng quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử phúc thẩm xét thấy cần sửa về phần án phí theo hướng ông H1 là người có nghĩa vụ chịu án phí trong phạm vi di sản bà T3 để lại. Mặt khác, do Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ trả nợ của người quản lý di sản là 132.944.000 đồng như đã phân tích ở mục [2] nên cần xác định lại án phí dân sự sơ thẩm là 6.647.200 đồng.

Từ phân tích trên, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy cần áp dụng khoản 2 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình và sửa bản án sơ thẩm.

[4] Tại phiên tòa phúc thẩm, bà Nguyễn Thị H đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm phân chia tài sản chung của vợ chồng ông Phạm Quang H1 và bà Đặng Thị T3 và bà cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm đã định giá thiếu tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà T3 dẫn đến việc ảnh hưởng nghiêm trọng quyền lợi của bà. Căn cứ vào Đơn đề nghị về việc thay đổi yêu cầu khởi kiện ngày 30/11/2023 của bà H có nội dung: Bà rút yêu cầu phân chia tài sản chung của vợ chồng ông H1, bà T3; yêu cầu ông H1 và các anh Đ, anh P phải có nghĩa vụ thanh toán cho bà khoản nợ 200.000.000 đồng cùng lãi suất phát sinh theo quy định của pháp luật; đối với cây trồng trên phần đất ao, đất vườn tạp, đất ở của ông H1, bà T3 giá trị không đáng kể nên bà không đề nghị Toà án xem xét về các tài sản này; bà có tham gia buổi định giá tài sản tại giai đoạn sơ thẩm, do đó, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy lời trình bày của bà H không có căn cứ để xem xét và chấp nhận. Mặt khác, bà H không có

đơn kháng cáo nên những nội dung trên không nằm trong phạm vi xét xử phúc thẩm.

[5] Về án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự; điểm d khoản 1 Điều 11 Nghị quyết 326/2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Chấp nhận toàn bộ kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình, sửa Bản án dân sự sơ thẩm số 03/2024/DS-ST ngày 20/3/2024 của Toà án nhân dân huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình như sau:

Căn cứ: khoản 3 Điều 26; Điều 35; khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 227; Điều 228; khoản 1 Điều 147; Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự. Các Điều 463, Điều 466, khoản 2 Điều 468, khoản 1 Điều 469 Điều 614, Điều 615, khoản 2 Điều 623, Điều 658 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/ 2016/NQ - UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H. Buộc ông Phạm Quang H1 có nghĩa vụ trả cho bà Nguyễn Thị H 132.944.000 đồng (Một trăm ba mươi hai triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn đồng) thay bà Đặng Thị T3 trong phạm vi di sản thừa kế bà Đặng Thị T3 để lại.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Phạm Quang H1 còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên số tiền 132.944.000 đồng chưa thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự cho đến khi thực tế thanh toán xong khoản nợ trong phạm vi di sản thừa kế bà Đặng Thị T3 để lại.

1.2. Về án phí: Ông Phạm Quang H1 phải chịu 6.647.200 đồng (sáu triệu sáu trăm bốn mươi bảy nghìn hai trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm thay bà Đặng Thị T3 trong phạm vi di sản thừa kế bà Đặng Thị T3 để lại.

Trả lại bà Nguyễn Thị H số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí mà bà đã nộp theo biên lai tạm ứng án phí số 0002305 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình ngày 01/3/2023.

2. Về án phí phúc thẩm: Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình không phải nộp án phí dân sự phúc thẩm.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./

Nơi nhận:
-Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Bình;
- Tòa án, Chi cục THA huyện Tiền Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Chu Tuấn Vương